TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 01-7-2019
V/vTranh chấp chia tài sản sau ly hôn giữa ông Đ và bà L

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Dũng.

Ông Hoàng Tuấn Anh.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Vũ Viết Tuấn - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 28/6 và 01 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2019/TLPT-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1956 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ: Luật sư Trần Văn Trường, Công ty luật TNHH Công Minh – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959 (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1965 (có mặt).

Các đương sự cùng địa chỉ: Khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ1: Luật sư Nguyễn Đức Thịnh, Văn phòng Luật sư Đức Thịnh – Đoàn Luật sư tỉnh Bắc Ninh.

Địa chỉ: Thôn Thanh Lâm, xã An Thịnh, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Ngô Văn Đ trình bày: Năm 1982, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị L trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T (nay là phường C, thị xã T). Quá trình chung sống vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trở lên trầm trọng. Năm 2008, ông làm đơn xin ly hôn với bà L sau đó ông đề nghị Tòa án tạm dừng giải quyết vụ án. Đến năm 2012, ông đề nghị Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án nhưng Tòa án đã xử bác đơn xin ly hôn của ông. Năm 2015, ông tiếp tục làm đơn ly hôn và đã được Tòa án chấp thuận yêu cầu xin ly hôn với bà L.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung của vợ chồng gồm:

- 01 ngôi nhà ba gian nhà cấp IV và công trình phụ xây dựng trên thửa đất số 75, tờ đồ số 11, diện tích 387 m^2nay là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2tại khu phố Đ, phường C, thị xã T. Thửa đất này là của bố mẹ ông cho mượn, khi vợ chồng ra ở riêng. Nguồn gốc thửa đất là do bố mẹ ông khi mất đi để lại. Khi còn sống ông bà chưa nói cho ai mà chỉ cho vợ chồng ông xây nhà ở tạm. Ngôi nhà 03 gian cấp IV trên đất là do bố mẹ và vợ chồng ông cùng xây dựng, trong đó: Vợ chồng ông góp tiền cát, ngói, tiền công thợ; còn gạch, gỗ là của bố mẹ đẻ ông. Năm 2014, gia đình ông có lập Văn bản thỏa thuận thống nhất cho bà Ngô Thị Đ1 được toàn quyền quản lý và sử dụng thửa đất. Năm 2017, bà Đ1 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất trên.

- Một sổ tiết kiệm gửi Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thị xã T từ năm 2008 với số tiền gốc là 50.000.000 đồng, từ khi gửi đến nay ông chưa rút lãi và gốc. Sổ tiết kiện này ông đang giữ.

Vợ chồng ông còn một số ruộng nông nghiệp tại các xứ đồng gồm:

- Thửa số 624 (4), tờ bản đồ số 7, diện tích 420m^2 ở Đồng Diệp.
- Thửa số 92 (17), tờ bản đồ số 5, diện tích 150m^2 ở Đồng Cụt.
- Thửa số 96 (34), tờ bản đồ số 5, diện tích 72m^2 ở Đồng Cụt.
- Thửa số 132 (10), tờ bản đồ số 5, diện tích 120m^2 ở Đầu Thành.
- Thửa số 144 (1), tờ bản đồ số 5, diện tích 80m^2 ở Khu Muồng.
- Thửa số 121 (4), tờ bản đồ số 6, diện tích 360m^2 ở Đồng Diệp.
- Thửa số 618 (6), tờ bản đồ số 7, diện tích 180m^2 ở Đồng Diệp.

Đối với sổ tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn và diện tích đất nông nghiệp như đã trình bày ở trên ông và bà L đã tự thỏa thuận được và có văn bản thoả thuận nộp cho Toà án.

Quá trình Tòa án giải quyết, tại biên bản hòa giải ngày 01/11/2018 ông Đ đã rút một phần yêu cầu khởi kiện. Theo đó ông chỉ yêu cầu chia căn nhà ba gian cấp IV, các công trình phụ, cây cối và công sức đóng góp trên thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà xác nhận hoàn cảnh và điều kiện kết hôn của vợ chồng như ông Đ trình bày là đúng. Ngày 19/02/2016, Toà án nhân dân thị xã T đã xét xử cho ông Đ và bà ly hôn và có giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng. Do không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm của Toà án thị xã T bà đã kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2016/HNGĐ-PT ngày 16/08/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã huỷ phần tài sản của bản án số 03/2016/HNGĐ-ST ngày 19/02/2016 của Toà án nhân nhân thị xã T.

Bà L xác nhận trong quá trình kết hôn hai vợ chồng có về ở và làm ngôi nhà ba gian cấp IV tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11, có diện tích 387 m^2 nay là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại Khu phố Đ, phường C, T, Bắc Ninh. Bà thừa nhận thửa đất này là của bố mẹ chồng (là cụ Ngô Thị Lộc và Ngô Văn Vượng) cho hai vợ chồng ở và được quyền sử dụng ổn định từ năm 1983 đến nay. Từ khi ông Đ nộp đơn ly hôn đến nay bà luôn có nguyện vọng được chia một phần đất để sinh sống và thờ cúng con trai đã mất. Khi vợ chồng ly thân, ông Đ đã bỏ đi ở nơi khác (sau năm 2008), trên đất còn có một số công trình do bà tự bỏ tiền ra xây dựng và trồng thêm cây cối. Tuy nhiên ngày 19/9/2017, Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho bà Ngô Thị Đ1, sinh năm 1965 là em gái của ông Đ, việc cấp GCNQSDĐ theo bà là trái quy định vì từ trước đến nay thửa đất vẫn đang có tranh chấp.

Nay bà yêu cầu được chia ½ diện tích thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại Khu phố Đ, phường C, T, Bắc Ninh để bà có chỗ sinh sống do bà không còn chỗ ở nào khác.

Đồng thời bà yêu cầu hủy GCNQSDĐ do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 19/9/2017 đối với thửa đất trên cho bà Ngô Thị Đ1.

Đối với yêu cầu của ông Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện:Giữa ông Đ và bà đã tự thỏa thuận được trong việc chia đất nông nghiệp và sổ tiết kiệm, hai vợ chồng đã thoả thuận được về việc phân chia số tài sản này và không có yêu cầu gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Ngô Thị V và chị Ngô Thị A có Giấy ủy cho bà L tham gia giải quyết vụ án, bà L trình bày: Bà L và ông Đ đã tự thỏa thuận được về phần chia đất nông nghiệp nên đề nghị không đưa chị V và chị A tham gia vụ án với tư cách là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Đối với ngôi nhà 03 gian cấp IV và các công trình phụ, cây cối trên thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^{2}tại khu phố Đ, phường C, thị xã T thì kể từ khi xây dựng đến nay chị Vân và chị Anh không có đóng góp, tôn tạo gì.

Bà Ngô Thị Đ1 trình bày: Bà Đ1 xác nhận thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại Khu phố Đ, phường C, T, Bắc Ninh có nguồn gốc là của bố mẹ bà là cụ Vượng và cụ Lộc. Cụ Vượng mất không để lại di chúc, năm 2014 gia đình bà đã họp và làm văn bản thỏa thuận thống nhất cho bà được quyền quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất trên. Văn bản thỏa thuận được lập tại Văn phòng Công chứng Hùng Vương. Ngày 19/09/2017, bà được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp GCNQSDĐ số CK 247633 đối với thửa đất trên. Việc cấp GCNSDĐ hoàn toàn đúng theo quy định của Pháp luật. Thửa đất có nguồn gốc do bố mẹ bà để lại, các đồng thừa kế hàng thứ nhất đã cùng có văn bản thống nhất để bà được sử dụng và đứng tên trên thửa đất này. Nay bà yêu cầu ông Đ, bà L phải trả lại cho bà diện tích đất trên. Vì vậy bà không đồng ý với yêu cầu chia tài sản chung của bà L đối với thửa đất này. Bà đồng ý sẽ trả cho ông Đ và bà L phần giá trị tài sản mà ông Đ và bà L đã tạo lập trên đất.

Ngoài ra bà không đồng ý với yêu cầu huỷ GCNQSDĐ đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại Khu phố Đ, phường C, T, Bắc Ninh mang tên bà vì thửa đất này đã được gia đình bà làm thủ tục chuyển quyền sử dụng cho bà theo đúng quy định.

Bà Ngô Thị Phú tại đơn đề nghị ngày 31/10/2017 trình bày: Bà cho rằng trước đây bà là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án, tuy nhiên sau khi bà Ngô Thị Đ1 là em gái bà đã được cấp GCNQSDĐ nên bà không có ý kiến nữa và xin từ chối tham gia tố tụng. Tuy nhiên liên quan đến việc bà L yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho bà Ngô Thị Đ1, Toà án nhân dân thị xã T vẫn đưa bà vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Toà án nhiều lần tiến hành làm việc bà đều từ chối và có thái độ không hợp tác.

Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường trình bày:

Theo báo cáo số 169/BC-CNVP ngày 11/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai (VPĐKĐĐ) tỉnh Bắc Ninh- Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T về việc thụ lý và giải quyết hồ sơ đăng ký biến động nhận thừa kế quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ1, địa chỉ khu phố Đ phường C, T Bắc Ninh, thì nội dung vụ việc như sau:

Ngày 30/01/2008 UBND huyện T đã cấp 01 GCNQSDĐ ở cho hộ bà Ngô Thị Lộc và ông Ngô Văn Vượng có số phát hành là AB 970775; số vào sổ: H 04101; thửa đất số 75; tờ bản đồ số 11; diện tích 387m^2; mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ thửa đất: thôn Đ, xã C, huyện T (nay là khu phố Đ, phường C, thị xã T), tỉnh Bắc Ninh.

Năm 2013 cụ Ngô Văn Vượng đã chết theo giấy chứng tử số 15, quyển số 01 do UBND phường C cấp ngày 27/03/2013.

Ngày 16/04/2014 tại trụ sở Văn phòng Công chứng Hùng Vương, tỉnh Bắc Ninh. Hàng thừa kế thứ nhất theo Pháp luật quy định của cụ Ngô Văn Vượng bao gồm cụ Ngô Thị Lộc là vợ thứ cùng các con đẻ là các ông, bà: Ngô Văn Đ, Ngô Thị P, Ngô Thị Đ1 đã tiến hành thỏa thuận phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất có thông tin như trên và giao toàn quyền sử dụng cho bà Ngô Thị Đ1. Nội dung được thể hiện trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số: 533/2014/VBPC, quyển số: 01/CC/VBGD.

Tháng 5 năm 2014 bà Ngô Thị Đ1 đã nộp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đo đạc lại bản đồ địa chính thổ cư phường C giai đoạn 2013-2014. Ngày 16/05/2014 Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ địa phương phường C đã thông qua hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho bà Đ1 theo thông tin bản đồ địa chính năm 2015 là thửa đất số: 21; tờ bản đồ số: 65; diện tích: 399,2m^2 (tương ứng với thông tin thửa đất số: 75; tờ bản đồ số: 11; diện tích: 387,0m^{2}được thể hiện như trên) với tỷ lệ biểu quyết tán thành là: 100%. Do tích chất đặc thù của dự án năm 2015 kết thúc dự án những trường hợp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất như bà Ngô Thị Đ1 vẫn chưa có kết quả Giấy chứng nhận mới. Toàn bộ hồ sơ dạng như vậy đã được bàn giao lại cho UBND các xã, phường quản lý và hoàn thiện giúp người dân khi có nhu cầu cấp giấy chứng nhận.

Ngày 27/08/2017, Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T nhận được đơn đề nghị của bà Ngô Thị Đ1 có xác nhận của UBND phường C về việc chỉnh lý bản đồ địa chính đối với thửa đất số: 21; tờ bản đồ số 65; diện tích: 399,2m^2 với lý do xác định nhầm mốc giới, ranh giới sử dụng đất so với ranh giới mốc giới được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 28/08/2017, Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T đã phối hợp với UBND phường C tổ chức buổi làm việc với chủ sử dụng đất để chỉnh lý thông tin thửa đất số: 21; tờ bản đồ số 65; diện tích 399,2m^2 thành hai thửa đất mới có số thửa là: 264; tờ bản đồ số: 65; diện tích 383,7m^2; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị và thửa đất số: 265; tờ bản đồ số: 65; diện tích 15,5m^2 mục đích sử dụng: Đất bằng trồng cây hằng năm khác. Nguyên nhân được xác định là do chủ sử dụng đất xác định nhầm mốc giới, ranh

giới thửa đất bao gồm cả phần đất tập thể vào phần diện tích đất ở trong quá trình đo đạc lại bản đồ địa chính năm 2015.

Ngày 06/09/2017 Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ1 với nội dung hồ sơ như trên.

Ngày 14/09/2017 Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T đã hoàn thiện hồ sơ và trình lên VPĐKĐĐ xem xét và để ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Kết quả là ngày 19/09/2017 đã được Giám đốc VPĐKĐĐ thừa ủy quyền của Giám đốc sở Tài nguyên và Môi trường ký giấy chứng nhận cho bà Ngô Thị Đ1 được thể hiện trên giấy chứng nhận số: CK 247633, đối với quyền sử dụng thửa đất số: 264; tờ bản đồ số: 65; diện tích: 383,7m^2; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất; địa chỉ thửa đất tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Mặt khác, kể từ trước thời điểm thực hiện dự án năm 2014 cho tới thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Đ1 là tháng 09/2017. Trong khoảng thời gian đó cùng với hai buổi làm việc với UBND phường C ngày 28/08/2017 và ngày 07/09/2017 Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T không nhận được bất kỳ thông tin đối với thửa đất của bà Ngô Thị Đ1 có liên quan đến việc phân chia tài sản ly hôn của ông Ngô Văn Đ và bà Nguyễn Thị L mà Tòa án đang thụ lý.

Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Sở Tài nguyên và Môi trường không biết, chỉ đến khi có đơn của bà L thì Sở tiến hành làm việc với Tòa án nhân dân thị xã T mới biết được thửa đất đã được cấp GCN cho bà Đ1 là đang có tranh chấp. Vì vậy, đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 Luật Đất đai năm 2013; Điều 212 Bộ luật dân sự 2015; Điều 59,62 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà L: Huỷ Giấy chứng nhận QSDĐ số CK 247633 do Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp cho bà Ngô Thị Đ1 đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại khu phố Đ, phường C, thị xã T.

Chấp nhận một phần yêu cầu của bà L: Chia cho bà L 80,2m^{2}đất trong tổng diện tích đất thuộc thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11, có diện tích 387 m^2 nay là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 cụ thể có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp ao nhà bà Ba có chiều dài là: 17,99m.

- Phía Nam giáp phần còn lại của thủa đất số 264 do bà Đ1 đứng tên là 17,69m.

- Phía Tây giáp ngõ đi có chiều dài 4,3m.

- Phía Đông giáp nhà ông Phúc có chiều dài 4m.

Trên phần đất bà L được chia có các tài sản và cây cối cụ thể sau: Một phần nhà bếp và nhà kho xây dựng năm 2006, mái lợp ngói nền lát gạch chỉ; khu chăn nuôi xây dựng năm 2006, tường 110 mái lợp proxi măng; 07 cây sưa và 01 cây nhãn.

Giao cho bà Đ1 phần diện tích đất còn lại của thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 303,5m^2 có tứ cận:

- Phía Bắc giáp phần đất bà L được chia có chiều dài là: 17,69m.

- Phía Nam giáp nhà ông Đô, ông Hy, ông Khương có chiều dài 16,39m.

- Phía Đông giáp nhà ông Phúc, ông Nam ông Đội có chiều dài 15,29m.

- Phía tây giáp ngõ đi có chiều dài 21,30m.

Trên phần đất bà Đ1 được giao quản lý có các tài sản và cây cối cụ thể như sau: 01 nhà cấp IV xây năm 1986; 01 Nhà ngang xây năm 1998; một phần bếp và nhà kho xây năm 2006; 01 nhà vệ sinh xây năm 2006, tường hoa, giếng khoan, bể nước sân gạch; 02 cây mít; 01 cây nhãn; 01 cây bưởi 01 cây hồng xiêm, 01 cây chanh.

Bà Đ1 có nghĩa vụ trích trả ông Đ phần giá trị tài sản trên đất là 12.279.649 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Án sơ thẩm xử xong, ngày 31/01/2019, ông Ngô Văn Đ và bà Ngô Thị Đ1 kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đ và bà Đ1 đều đề nghị hủy án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc không yêu cầu bà L tạm ứng án phí chia tài sản là phần diện tích đất ở và Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử từ lúc thụ lý đến lúc xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật; Các đương sự đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, do kháng cáo của ông Đ và bà Đ1 không có căn cứ, Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của ông Ngô Văn Đ và bà Ngô Thị Đ1, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy:

Thửa đất số 75, tờ bản đồ số 11, có diện tích 387m^{2}nay là thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại khu phố Đ, phường C, thị xã T có nguồn gốc là của cụ Ngô Thị Lộc và cụ Ngô Văn Vượng (bố mẹ đẻ ông Đ). Sau khi ông Đ, bà L kết hôn năm 1982, ông Vượng và bà Lộc đã giao cho vợ chồng ông bà quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng ông Đ và bà L đã tạo lập nhiều tài sản trên đất như: Xây dựng nhà ở, công trình phụ và trồng cây ăn quả lâu năm, khi đó ông Vượng và bà Lộc còn sống nhưng không có ý kiến phản đối. Năm 2008, thửa đất được cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình cụ Vượng, cụ Lộc. Năm 2013, cụ Vượng chết không để lại di chúc. Đến năm 2014, cụ Lộc và các đồng thừa kế của cụ Vượng đã có văn bản thỏa thuận để bà Đ1 toàn quyền quản lý và sử dụng thửa đất. Như vậy, có thể khẳng định thửa đất này không phải là tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà L.

Tuy nhiên, xét thời gian vợ chồng ông Đ bà L sinh sống trên thửa đất đã nhiều năm, đã xây dựng nhiều công trình, trồng cây lâu năm trên đất, có công sức trông nom tân tạo thửa đất. Qua xác minh tại địa phương, bà L ngoài chỗ ở tại thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại Đ, C, T, Bắc Ninh thì không còn chỗ ở nào khác. Bà L kết hôn với ông Đ từ năm 1982 đến nay, quá trình chung sống vợ chồng vẫn ở trên thửa đất, hiện nay bà L chỉ ở một mình, các con đều là con gái đã đi lấy chồng, bà không có khả năng tự tạo lập chỗ ở mới. Để đảm bảo quyền lợi cho bà L có nơi cư trú và đảm bảo quyền lợi cho người phụ nữ sau khi ly hôn cần phải trích chia công sức tân tạo, trông nom tài sản cho bà L bằng một diện tích đất nhất định để bà L có chỗ ở là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã trích chia cho bà L được sử dụng phần đất có diện tích 80,2m^2 trong thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 và tài sản trên đất để bà L có nơi cư trú, ổn định cuộc sống là có căn cứ.

Về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 264, tờ bản đồ số 65, diện tích 383,7m^2 tại khu phố Đ, phường C, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh cấp cho bà Ngô Thị Đ1: Năm 2008, thửa đất được cấp GCNQSDĐ cho hộ cụ Ngô

Thị Lộc và cụ Ngô Văn Vượng. Năm 2008, ông Đ đã làm đơn xin ly hôn với bà L, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, bà L là người sinh sống trên thửa đất còn ông Đ chuyển đến nơi khác. Năm 2011, bà L tiếp tục tiến hành tân tạo, sửa chữa gia cố nhà ở. Đến năm 2012 ông Đ tiếp tục đề nghị Tòa án giải quyết vụ án và Tòa án đã xử bác đơn xin ly hôn của ông Đ.

Năm 2013 cụ Ngô Văn Vượng đã chết không để lại di chúc. Ngày 16/04/2014 tại trụ sở Văn phòng Công chứng Hùng Vương, tỉnh Bắc Ninh, hàng thừa kế thứ nhất theo Pháp luật quy định của cụ Ngô Văn Vượng bao gồm cụ Ngô Thị Lộc là vợ thứ cùng các con đẻ là các ông, bà: Ngô Văn Đ, Ngô Thị Phú, Ngô Thị Đ1 đã tiến hành thỏa thuận phân chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Đ1. Nội dung được thể hiện trong văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế số: 533/2014/VBPC, quyển số: 01/CC/VBGD. Tháng 5 năm 2014, bà Ngô Thị Đ1 đã nộp hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất theo thỏa thuận phân chia tài sản của gia đình. Ngày 16/05/2014, Hội đồng tư vấn xét duyệt hồ sơ phường C đã thông qua hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất cho bà Đ1. Tuy nhiên do xác định sai mốc giới nên thửa đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Năm 2015 ông Đ lại làm đơn ly hôn, ngày 19/02/2016, Toà án nhân dân thị xã T đã xét xử cho ông Đ bà L ly hôn và có giải quyết về phần tài sản chung vợ chồng. Do không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm của Toà án thị xã T bà đã kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 24/2016/HNGĐ-PT ngày 16/08/2016 của Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã huỷ phần tài sản của bản án số 03/2016/HNGĐ-ST ngày 19/02/2016 của Toà án nhân nhân thị xã T.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L đều đề nghị được sử dụng một phần thửa đất để làm nơi sinh sống và thờ cúng con trai đã mất.

Ngày 06/09/2017 Chi nhánh VPĐKĐĐ thị xã T đã tiếp nhận hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất của bà Ngô Thị Đ1.

Ngày 19/9/2017 thửa đất đã được Sở tài nguyên môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Đ1.

Như vậy, việc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh căn cứ vào hồ sơ đăng ký biến động quyền sử dụng đất để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Đ1 khi Tòa án đang thụ lý giải quyết tranh chấp tài sản chung giữa vợ chồng ông Đ, bà L đã vi phạm quy định về việc cấp GCNQSDĐ theo Luật đất đai gây ảnh hưởng tới quyền lợi của ông Đ bà L.

Theo giải đáp số 64 ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì việc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cơ sở hợp đồng chuyển đổi, tặng cho quyền sử dụng đất của Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh chỉ là thủ tục hành chính trong giao dịch dân sự, không mang tính chất của quyết định

hành chính cá biệt nên không cần phải tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho người nhận chuyển nhượng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Ngô Thị Đ1 khi Tòa án đang giải quyết tranh chấp tài sản chung giữa vợ chồng ông Đ bà L đã vi phạm quy định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng nhưng lại tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là không đúng về thẩm quyền cũng như không cần phải hủy như phân tích ở trên.

Cũng tại phiên tòa hôm nay, các luật sư đều cho rằng bà L đề nghị được chia phần đất là yêu cầu phản tố độc lập nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu nộp tạm ứng án phí là giải quyết vượt quá yêu cầu của bà L là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên phải hủy án sơ thẩm. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy tại bút lục 60 ngày 12/8/2015 Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản cho bà L và bà đã nộp tạm ứng 800.000đ tại biên lai thu số 02472 ngày 19/8/2018(BL61); ngày 26/10/2018 Tòa án cấp sơ thẩm đã có thông báo nộp tiền tạm ứng án phí 3.000.000đ cho bà L và cùng ngày 26/10/2018 bà đã nộp tạm ứng 3.000.000đ tại biên lai thu số 03474 nên không thể nói bà L không nộp tiền tạm ứng chia tài sản là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng được. Nhưng cần rút kinh nghiệm với án sơ thẩm không giải quyết số tiền tạm ứng án phí này của bà L và cũng không giải quyết số tiền tạm ứng án phí 1.625.000đ của ông Ngô Văn Đ tại biên lai thu số 02338 ngày 05/02/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã T.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, khi bà L biết được thửa đất đã được chuyển quyền sử dụng cho bà Ngô Thị Đ1 theo văn bản thỏa thuận của gia đình ngày 28/3/2014 và văn bản phân chia thừa kế tài sản ngày 16/4/2014 tại Văn phòng công chứng Hùng Vương thì bà L có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ1 mà không có yêu cầu tuyên bố các văn bản được công chứng này là vô hiệu, từ đó Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Đ1 là chỉ giải quyết phần ngọn của vấn đề. Bản chất hay vấn đề cốt lõi ở đây là cấp sơ thẩm phải xác định và hướng dẫn bà L yêu cầu tuyên bố văn bản thỏa thuận của gia đình và văn bản phân chia tài sản thừa kế được công chứng này là vô hiệu thì mới giải quyết triệt để được vấn đề. Có xác định được các văn bản này là vô hiệu thì mới xác định được công sức đóng góp, duy trì, tôn tạo thửa đất để trích chia cho bà L được, sau đó số tài sản là diện tích đất còn lại mới được giải quyết theo pháp luật về thừa kế. Đây là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Hơn nữa, về phần bà Ngô Thị Đ1 có yêu cầu vợ chồng ông Đ bà L phải trả lại thửa đất trên cho bà vì đã được hưởng thừa kế. Đây là yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng cấp sơ thẩm không yêu cầu bà Đ1

nộp tạm ứng án phí mà vẫn giải quyết trong khi bản án phúc thẩm số 24 ngày 16/8/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã nhận định là vi phạm về thủ tục tố tụng, lại một lần nữa vi phạm về thủ tục tố tụng mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

Vì những lẽ trên, cần hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã T, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Ngô Văn Đ, bà Ngô Thị Đ1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Nghĩa vụ chịu án phí được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Hủy bản án sơ thẩm số 03/2019/HNGĐ-ST ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân thị xã T, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thị xã T;
- Chi cục THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Minh